

Vinh, ngày 03 tháng 6 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 597/QĐ-ĐHKTN ngày 03 tháng 06 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình: Đào tạo Cử nhân Kế toán
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kế toán
Mã ngành: 7340301

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực kế toán theo hướng ứng dụng thực tế; có nền tảng kiến thức khoa học cơ bản và chuyên môn tốt; Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản và nâng cao của ngành Kế toán ở mức độ chuyên viên; có năng lực chuyên môn rộng và chuyên sâu để có thể ứng dụng kiến thức lý thuyết vào hoạt động thực tiễn trong nước và hội nhập quốc tế; có tư duy phản biện độc lập, sáng tạo; có năng lực tự học và học tập ở mức cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

PO1: Vận dụng các kiến thức cơ bản về KHXH, KHCT và pháp luật; kiến thức CNTT để giải quyết các vấn đề trong công việc.

PO2: Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn để đảm nhận công việc kế toán trong mọi loại hình đơn vị.

1.2.2. Kỹ năng

PO3: Phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng thực hành nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và có thể khởi nghiệp.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PO4: Tích hợp năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; Tuân thủ chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp và thực thi trách nhiệm với bản thân, tổ chức và xã hội.

1.2.4. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

Kế toán là bộ phận không thể thiếu ở tất cả các đơn vị tổ chức. Hàng năm, nước ta có hàng nghìn doanh nghiệp được thành lập, trung bình mỗi doanh nghiệp

cần 2 - 6 kế toán viên. Không những vậy, trong thời kì hội nhập như hiện nay, các tổ chức kế toán kiểm toán quốc tế cũng luôn khan hiếm nhân lực nắm vững chuyên môn. Như vậy, cơ hội việc làm của ngành Kế toán là vô cùng rộng lớn và đa dạng.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán, sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau:

- Chuyên viên phụ trách kế toán, kiểm toán, giao dịch ngân hàng, thuế, kiểm soát viên, thủ quỹ, tư vấn tài chính.

- Nhân viên môi giới chứng khoán, nhân viên quản lý dự án, nhân viên phòng giao dịch và ngân quỹ.

- Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán, Quản lý tài chính.

- Nghiên cứu, Giảng viên, Thanh tra kinh tế, ...

Với các công việc trên, sinh viên ngành Kế toán có thể khẳng định năng lực của mình tại:

- Các đơn vị hoạt động vì mục đích lợi nhuận như: công ty, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm.

- Các đơn vị công - các đơn vị hoạt động không vì lợi nhuận như: các cơ quan hành chính sự nghiệp, trường học, bệnh viện.

- Các cơ quan quản lý nhà nước: bộ phận thuế, thống kê, kế hoạch đầu tư.

- Các trường đại học, cao đẳng, trung tâm đào tạo kế toán

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán, người học có thể học tập nâng cao trình độ lên thạc sĩ, tiến sĩ về nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Kế toán tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An, sinh viên có khả năng:

PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về KHXH, KHCT và pháp luật, CNTT để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp kế toán.

PLO2: Vận dụng các kiến thức kinh tế, kế toán để giải quyết các vấn đề trong nghề nghiệp kế toán.

PLO3: Phân tích hoạt động kinh tế, tài chính để tư vấn cho nhà quản trị ra quyết định kinh doanh.

PLO4: Thành thạo kỹ năng thực hành nghề nghiệp kế toán.

PLO5: Xây dựng ý tưởng khởi nghiệp, kỹ năng dẫn dắt, phản biện và truyền đạt vấn đề trong lĩnh vực tài chính kế toán

PLO6: Phát triển năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

PLO7: Kết hợp năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

PLO8: Thể hiện năng lực tự định hướng, hướng dẫn các nhiệm vụ chuyên môn; Lập kế hoạch, điều phối, quản lý và giám sát các nguồn lực tài chính.

Bảng 2.2. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLO)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
PO1	x	x	x					
PO2	x	x	x					
PO3				x	x	x		
PO4							x	x

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

129 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh

CTĐT ngành kế toán chấp nhận các ứng viên bảo đảm những điều kiện sau:

+ Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

+ Đảm bảo điểm thi tuyển và xét tuyển của năm tuyển sinh theo quy chế hiện hành

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3.5 năm. Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 804/2021/QĐ-ĐHKTNA ngày 29/9/2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi có đủ các tiêu chuẩn theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 804/2021/QĐ-ĐHKTNA ngày 29/9/2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 804/2021/QĐ-ĐHKTNA ngày 29/9/2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Việc đánh giá và xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Phân loại
Từ 8.5 đến 10.0	A	4.0	Đạt
Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5	
Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0	
Từ 6.5 đến 6.9	C+	2.5	
Từ 5.5 đến 6.4	C	2.0	
Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5	
Từ 4.0 đến 4.9	D	1.0	
Nhỏ hơn 4.0	F	0	Không đạt

Xếp loại điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy

Thang điểm 4	Xếp loại
Từ 3.6 đến 4.0	Xuất sắc
Từ 3.2 đến cận 3.6	Giỏi
Từ 2.5 đến cận 3.2	Khá
Từ 2.0 đến cận 2.5	Trung bình
Từ 1.0 đến cận 2.0	Yếu
Dưới 1.0	Kém

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			
				LT	TH, TN	TT tại cơ sở, Làm TL, BTL, KLTN	Tổng
		Khối kiến thức giáo dục đại cương	35				
1	CT007	Triết học Mác – Lênin	3	3			3
2	CT008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2			2
3	CT009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			2
4	CT005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			2
5	CT010	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2			2
6	CS019	Tiếng Anh 1	3	3			3
7	CS020	Tiếng Anh 2	3	3			3
8	CS003	Tiếng Anh nâng cao	3	3			3
9	CS038	Tin học ứng dụng	4	3	1		4
10	CS039	Toán cho các nhà kinh tế	4	4			4
11	CS013	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3			3
12	CS014	Pháp luật đại cương	2	2			2
13		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
13a	CT002	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2			2
13b	QT026	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	2			2
		Khối kiến thức cơ sở ngành	26	26			26
14	KT014	Nguyên lý kế toán	3	3			3
15	KT019	Thống kê kinh tế	3	3			3
16	TC001	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3	3			3
17	QT067	Khởi sự kinh doanh	2	2			2
18	CS016	Pháp luật kinh tế	3	3			3
19	QT014	Kinh tế vi mô	3	3			3
20	QT015	Kinh tế vĩ mô	3	3			3
21	KT018	Hệ thống thông tin kế toán	2	2			2
22		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
22a	KT020	Kế toán quốc tế	2	2			2
22c	TC009	Thị trường chứng khoán	2	2			2
23		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		0			0
23a	QT022	Marketing căn bản	2	2			2
23b	QT034	Quản trị học	2	2			2
		Khối kiến thức ngành	58	58			58
24	QT043	Kỹ năng mềm	2	0.5	1.5		2
25	TC005	Tài chính doanh nghiệp	3	3			3
26	CS004	Tiếng Anh chuyên ngành	4	4			4
27	KT008	Kế toán tài chính 1	4	4			4
28	KT006	Kế toán tài chính 2	4	4			4
29	KT007	Kế toán tài chính 3	3	3			3
30	KT021	Thực hành kế toán tài chính 1	3		3		3
31	KT022	Thực hành kế toán tài chính 2	3		3		3
32	KT010	Lý thuyết kiểm toán	2	2			2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			
				LT	TH, TN	TT tại cơ sở, Làm TL, BTL, KLTN	Tổng
33	KT009	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	3			3
34	KT023	Kế toán DN thương mại - dịch vụ	2	2			2
35	KT015	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3			3
36	TC003	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3			3
37	KT004	Kế toán quản trị	4	4			4
38	KT024	Kế toán thuế	3	3			3
39	KT002	Kế toán máy	3	1	2		3
40	KT001	Kế toán công	4	4			4
41		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
41a	TC004	Tài chính công	2	2			2
41b	KT026	Kiểm toán hoạt động	2	2			2
42		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
42a	TC010	Thuế Nhà nước	3	3			3
42b	KT025	Kế toán DN vừa và nhỏ	3	3			3
		Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10				
43	TT007	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10			10	10

8. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
		Khối kiến thức giáo dục đại cương	35								
1	CT007	Triết học Mác - Lênin	3	I	I			I		I	
2	CT008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	R,A				R		I	
3	CT009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	R,A				R		I	
4	CT005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	R				R		R	
5	CT010	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	R				R		R	
6	CS019	Tiếng Anh 1	3	I					I	I	
7	CS020	Tiếng Anh 2	3	R					R	R	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
8	CS003	Tiếng Anh nâng cao	3	R					M,A	R	R
9	CS038	Tin học ứng dụng	4	R,A			I			I	
10	CS039	Toán cho các nhà kinh tế	4		I		I			I	
11	CS013	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		R		I			I	
12	CS014	Pháp luật đại cương	2	R			R			R	
13		Chọn 1 trong 2 học phần									
13a	CT002	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	R				R			R
13b	QT026	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	R				R			R
		Khối kiến thức cơ sở ngành	26								
14	KT014	Nguyên lý kế toán	3		R,A		I			R,A	
15	KT019	Thống kê kinh tế	3		R		I				R
16	TC001	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3		R,A			R		R	
17	QT067	Khởi sự kinh doanh	2		R			R,A		R	
18	CS016	Pháp luật kinh tế	3	R,A			R			R,A	
19	QT014	Kinh tế vi mô	3		R,A	R		R			R
20	QT015	Kinh tế vĩ mô	3		R		R			R	
21	KT018	Hệ thống thông tin kế toán	2	R,A			M				R,A
22		Chọn 1 trong 2 học phần									
22a	KT020	Kế toán quốc tế	2		R		R			R	
22c	TC009	Thị trường chứng khoán	2			R	R			R	R
23		Chọn 1 trong 2 học phần									
23a	QT022	Marketing căn bản	2		I			I			I
23b	QT034	Quản trị học	2		R		R			R	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
		Khối kiến thức ngành	58								
24	QT043	Kỹ năng mềm	2	R				M,A		M,A	
25	TC005	Tài chính doanh nghiệp	3			R		R		M	M,A
26	CS004	Tiếng Anh chuyên ngành	4	R					R,A	R	
27	KT008	Kế toán tài chính 1	4		R		R				R,A
28	KT006	Kế toán tài chính 2	4		R		R				R,A
29	KT007	Kế toán tài chính 3	3		M,A		M,A			M	
30	KT021	Thực hành kế toán tài chính 1	3		M		M,A			M,A	
31	KT022	Thực hành kế toán tài chính 2	3		M		M,A			M,A	
32	KT010	Lý thuyết kiểm toán	2		M		M			M,A	
33	KT009	Kiểm toán báo cáo tài chính	3			M	M				M,A
34	KT023	Kế toán DN thương mại - dịch vụ	2		R		M,A				M
35	KT015	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			M,A		M			M
36	TC003	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			M,A		M		M	M
37	KT004	Kế toán quản trị	4			M,A	M				M,A
38	KT024	Kế toán thuế	3		M,A		M,A			M	
39	KT002	Kế toán máy	3	M,A			M,A			M	
40	KT001	Kế toán công	4		M,A		M,A			M	
41		Chọn 1 trong 2 học phần									
41a	TC004	Tài chính công	2		R			M		M	
41b	KT026	Kiểm toán hoạt động	2		R		M			M	
42		Chọn 1 trong 2 học phần									
42a	TC010	Thuế Nhà nước	3			R		R		R	R

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tổng
				LT	TH, TN	TT tại cơ sở, Làm TL, BTL, KLTN	
4	KT019	Thống kê kinh tế	3	45			45
5	KT014	Nguyên lý kế toán	3	45			45
6	CS014	Pháp luật đại cương	2	30			30
7	QT067	Khởi sự kinh doanh	2	30			30
Kỳ 3			17				
1	CS016	Pháp luật kinh tế	3	45			45
2	CS020	Tiếng Anh 2	3	45			45
3	KT008	Kế toán tài chính 1	4	60			60
4	QT014	Kinh tế vi mô	3	45			45
5	CT009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			30
6		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
6a	CT002	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30			30
6b	QT026	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30			30
Kỳ 4			18				
1	KTT006	Kế toán tài chính 2	4	60			60
2	TC005	Tài chính doanh nghiệp	3	45			45
3	QT015	Kinh tế vĩ mô	3	45			45
4	CT005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			30
5	CS004	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60			60
6		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
6a	KT020	Kế toán quốc tế	2	30			30
6c	TC009	Thị trường chứng khoán	2	30			30
Kỳ 5			17				
1	QT043	Kỹ năng mềm	2	7.5	45		52.5
2	KT007	Kế toán tài chính 3	3	45			45
3	CS003	Tiếng Anh nâng cao	3	45			45
4	KT004	Kế toán quản trị	4	60			60
5	CT010	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			30
6		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
6a	TC010	Thuế Nhà nước	3	45			45
6b	KT025	Kế toán DN vừa và nhỏ	3	45			45

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tổng
				LT	TH, TN	TT tại cơ sở; Làm TL, BTL, KLTN	
Kỳ 6			17				
1	KT021	Thực hành kế toán tài chính 1	3		90		90
2	KT010	Lý thuyết kiểm toán	2	30			30
3	KT018	Hệ thống thông tin kế toán	2	30			30
4	KT023	Kế toán DN thương mại - dịch vụ	2	30			30
5	KT015	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			45
6	KT024	Kế toán thuế	3	45			45
7		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					
7a	TC004	Tài chính công	2	30			30
7b	KT026	Kiểm toán hoạt động	2	30			30
Kỳ 7			16				
1	KT009	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	45			45
2	KT022	Thực hành kế toán tài chính 2	3		90		90
3	KT002	Kế toán máy	3	15	60		75
4	TC003	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45			45
5	KT001	Kế toán công	4	60			60
Kỳ 8			10				
1	TT007	Thực tập Tốt nghiệp và làm khoá luận	10			150	150

10. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học Kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành và được áp dụng cho kỳ tuyển sinh 2022.

Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán là những quy định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo Kế toán ứng

với trình độ đào tạo bậc đại học, đó là cơ sở giúp Bộ giáo dục và đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán trình độ đại học được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện cứ 2-3 năm /1 lần Trường Đại học kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể trong phạm vi không dưới 120 tín chỉ.

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những mô - đun thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2 - 3 năm/lần, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành. *U*

Nghệ An, Ngày 03 tháng 6 năm 2022



TS. Nguyễn Ngọc Hiếu